

Báo cáo NGÀNH GẠO VIỆT NAM THÁNG 5/2020

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tiêu thụ, dự báo về thị trường gạo trong nước và thế giới đến tháng 5/2020. Mô tả chuỗi giá trị và phân tích SWOT ngành.



MỤC LỤC

Phần 1: Thị trường gạo thế giới năm 2019 & triển vọng năm 2020:

1. Sản xuất và tồn kho gạo năm 2019
2. Giá gạo năm 2019
3. Triển vọng thị trường gạo thế giới năm 2020

Phần 2: Sản xuất gạo Việt Nam:

1. Sản xuất lúa cả nước trong năm 2019
2. Sản xuất lúa cập nhật tháng 4/2020
3. Cân đối cung cầu thị trường gạo Việt nam, cập nhật tháng 4/2020

Phần 3: Xuất khẩu gạo Việt Nam:

1. Giá gạo nội địa và xuất khẩu, cập nhật tháng 4/2020
2. Tổng Xuất khẩu gạo (bao gồm cả chính ngạch và tiểu ngạch) , cập nhật tháng 4/2020
3. Thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam, cập nhật tháng 4/2020

Phần 4: Cấu trúc ngành:

1. Chuỗi giá trị
2. Phân tích thuận lợi, khó khăn
3. Phân tích SWOT

Phần 5: Doanh nghiệp xuất – nhập khẩu gạo:

1. Top 10 các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu

Phần 1

**THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI NĂM 2019 VÀ DỰ
BÁO NĂM 2020**



1. Sản xuất và tồn kho gạo năm 2019

Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng sản xuất gạo toàn cầu 2019 ước khoảng 497,8 triệu tấn, giảm 0,3% so với 2018. Trong khi đó, Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC) ước tính sản xuất gạo toàn cầu 2019 đạt 500,4 triệu tấn, giảm nhẹ so với 2018.

Tình hình sản xuất gạo trên thế giới năm 2019:

- **Thái Lan:** Theo đánh giá của ông Charoen Laothamatas, Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, các nguyên nhân gồm giá cao, đồng baht mạnh, thiên tai đã ảnh hưởng mạnh đến khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu năm 2019 của Thái Lan.

Ngoài ra, gạo Thái kém đa dạng, 30 năm qua nước này không xuất khẩu bất cứ giống gạo mới nào, trong khi chất lượng giảm sút do thay đổi khí hậu, hiện tượng nóng lên toàn cầu và thay đổi phương pháp canh tác. Do thiếu hụt nhân lực, nông dân Thái Lan chọn sử dụng máy móc và hóa chất khiến thay đổi hương vị gạo thơm, trong khi Việt Nam hiện có tới 7 - 8 loại gạo xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu thế giới.

- **Myanmar:** Theo Liên đoàn gạo Myanmar, xuất khẩu gạo trong năm tài chính 2019 có thể đạt 2,5 triệu tấn và 770.000 tấn gạo xuất khẩu tính tới ngày 13/12/2019 đã thu về 220 triệu USD. Trong đó, 100.000 tấn được xuất khẩu bằng đường bộ và 650.000 tấn qua đường biển. Khoảng 39% khối lượng xuất khẩu được vận chuyển sang châu Phi, 31% sang Trung Quốc và các quốc gia láng giềng, 11% sang châu Âu, và 19% sang quốc gia khác, theo Myanmar Times.

- **Cambodia:** Trích dẫn số liệu từ CRF, Phnom Penh Post cho biết tổng giá trị xuất khẩu gạo của Campuchia khoảng 501 triệu USD vào năm 2019, giảm 4,3% so với 524 triệu USD trong 2018. Campuchia bán 202.990 tấn gạo sang thị trường Trung Quốc, chiếm 40,73% tổng khối lượng gạo xuất khẩu; 83.164 tấn sang khu vực ASEAN; và 85.847 tấn sang các thị trường khác.

Theo dữ liệu của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, Campuchia cũng đã xuất khẩu 2,15 triệu tấn gạo sang Việt Nam vào năm 2019. Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang thị trường châu Âu giảm dần sau khi Liên minh châu Âu (EU) áp thuế nhập khẩu

đối với gạo từ Campuchia vào tháng 1/2019. Tổng thư ký Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF) Lun Yeng cho rằng nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm là nhu cầu suy yếu từ các thị trường châu Âu, nhưng ông dự đoán xuất khẩu sẽ tăng trở lại trong năm nay.

Tình hình tiêu thụ gạo trên thế giới năm 2019:

Theo tính toán của FAO, sản lượng tiêu thụ gạo toàn cầu 2019 đạt 516,9 triệu tấn, tăng 1,1% so với 2018. Còn IGC ước tính sản lượng tiêu thụ gạo 2019 ở mức 495,3 triệu tấn, tăng 1,2%.

- **Khối EU:** Từ ngày 1/9 đến ngày 15/12/2019, EU đã nhập khẩu 309.345 tấn gạo, giảm 3% so với cùng kì năm 2018, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp EU. Trong đó có 2.408 tấn lúa, 143.917 tấn gạo lứt và 163.020 tấn gạo xay xát. Nước Anh tiếp tục là nhà nhập khẩu lớn nhất khu vực với 55.541 tấn. Thái Lan duy trì vị thế nguồn cung lớn nhất đối với gạo lứt và gạo xay trắng sang khu

vực này với 39.531 tấn, giảm 5,5% so với cùng kì năm trước. Guyana tiếp tục là nước xuất khẩu lúa nhiều nhất sang EU với 2.367 tấn, giảm 59,4% so với cùng kì năm ngoái.

- **Indonesia:** USDA trích dẫn Cơ quan Thống kê Quốc gia (BPS) Indonesia cho biết tổng tiêu thụ gạo của cả nước ước đạt 34,3 triệu tấn vào năm 2019. Lượng thặng dư bổ sung 2,11 triệu tấn trong vụ thu hoạch giảm để đáp ứng nhu cầu một tháng tiêu thụ trong vụ thứ hai chu kỳ trái mùa.

Dự báo cung cầu gạo thế giới của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) niên vụ 2019/2020 trong tháng 4/2020 (Đơn vị: triệu tấn)

Thị trường	Dự trữ đầu vụ	Cung		Tiêu thụ		Dự trữ cuối vụ
		Sản lượng	Nhập khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	
Thế giới	175,71	496,08	41,21	490,19	42,17	181,6
Thế giới trừ TQ	60,71	349,35	38,81	347,26	38,97	63,6
Mỹ	1,42	5,86	1,02	4,22	3,14	0,94
Các TT còn lại	174,29	490,22	40,2	485,97	39,03	180,67
TT XK chủ yếu	37,13	183,57	0,66	149,05	30,6	41,71
Burna	1,07	12,7	0,01	10,45	2,2	1,13
Ấn Độ	29,5	118	0	102,3	10,2	35
Pakistan	0,92	7,5	0	3,3	4,4	0,72
Thái Lan	4,54	18	0,25	11,5	7,5	3,79
Việt Nam	1,1	27,37	0,4	21,5	6,3	1,07
TT NK chủ yếu	127,14	241,06	14,21	249,73	3,61	129,07
Trung Quốc	115	146,73	2,4	142,93	3,2	118
EU-27	1,2	1,99	2,2	3,9	0,3	1,19
Indonesia	3,36	36,5	1	37,8	0	3,06

Nigeria	1,38	4,9	1,2	6,5	0	0,98
Philippines	3,52	11,4	2,6	14,4	0	3,12
Trung Đông	0,84	2,29	3,4	5,75	0	0,79
TT khác						
Brazil	0,11	7,14	0,85	7,45	0,5	0,15
Trung Mỹ và Caribe	0,67	1,5	1,91	3,39	0,03	0,65
Ai Cập	1	4,3	0,2	4,35	0,1	1,05
Nhật Bản	2,05	7,61	0,69	8,3	0,07	1,97
Mexico	0,14	0,18	0,79	0,93	0,01	0,16
Hàn Quốc	1,09	3,74	0,55	4,1	0,06	1,23

Nguồn: VITIC/USDA

2. Giá gạo năm 2019

Dưới đây là thống kê giá gạo xuất khẩu của các quốc gia xuất khẩu gạo lớn trên thế giới trong năm 2019 (số liệu mỗi cuối tháng):

a) Thái Lan

Thái Lan	Gạo trắng 100% B	5% tấm	25% tấm	Hom Mali 92%	Gạo đỏ 100% Stxd	A1 Super
Đầu năm	388-392	378-382	371-375	1.053-1.057	383-387	352-356
Tháng 1	395 - 399	385 - 389	377 - 381	1.083 - 1.087	398 - 402	363 - 367
Tháng 2	386 - 390	376 - 380	369 - 373	1.098 - 1.102	381 - 385	355 - 359
Tháng 3	398 - 402	388 - 392	374 - 378	1.078 - 1.082	395 - 399	350 - 354
Tháng 4	394 - 398	384 - 388	373 - 377	1.078 - 1.082	388- 392	354 - 358
Tháng 5	395 - 399	385 - 389	372 - 376	1.083 - 1.087	391 - 395	354 - 358

Tháng 6	405 - 409	395 - 399	381 - 385	1.073 - 1.077	401 - 405	363 - 367
Tháng 7	402 - 406	392 - 396	386 - 390	1.148 - 1.152	403 - 407	368 - 372
Tháng 8	413 - 417	403 - 407	395 - 399	1.178 - 1.182	413 - 417	384 - 388
Tháng 9	408 - 412	398 - 402	389 - 393	1.178 - 1.182	403 - 407	381 - 385
Tháng 10	404 - 408	394 - 398	386 - 390	1.148 - 1.152	398 - 402	377 - 381
Tháng 11	403 - 407	393 - 397	385 - 389	1.148 - 1.152	392 - 396	375 - 379
Tháng 12	425 - 429	415 - 419	402 - 406	1.148 - 1.152	413 - 417	380 - 384

b) Việt Nam

Việt Nam	5% tằm	25% tằm	Jasmine	100% tằm
Đầu năm	376-380	366-370	468-472	358-362
Tháng 1	338 - 342	323 - 327	458 - 462	313 - 317
Tháng 2	341 - 345	328 - 332	429 - 432	313 - 317
Tháng 3	358 - 362	343 - 347	478 - 482	318 - 322
Tháng 4	368 - 372	348 - 352	508 - 512	323 - 327
Tháng 5	373 - 377	348 - 352	508 - 512	318 - 322
Tháng 6	373 - 377	348 - 352	508 - 512	308 - 312
Tháng 7	353 - 357	348 - 352	523 - 527	308 - 312
Tháng 8	323 - 327	308 - 312	523 - 527	303 - 307
Tháng 9	323 - 327	313 - 317	548 - 552	298 - 302
Tháng 10	353 - 357	338 - 342	563 - 567	318 - 322
Tháng 11	341 - 345	326 - 330	543 - 547	316 - 320
Tháng 12	353 - 357	338 - 342	528 - 532	318 - 322

c) **Ấn Độ**

Ấn Độ	5% tằm	25% tằm	Gạo đồ 5% tằm Stxd	100% tằm Stxd
Đầu năm	368-372	328-332	380-384	268-272
Tháng 1	368 - 372	328 - 332	383 - 387	288 - 292
Tháng 2	369 - 372	329 - 332	379 - 382	281 - 284
Tháng 3	373 - 377	343 - 347	383 - 387	296 - 300
Tháng 4	373 - 377	343 - 347	370 - 374	303 - 307
Tháng 5	373 - 377	343 - 347	363 - 367	303 - 307
Tháng 6	373 - 377	343 - 347	366 - 370	308 - 312
Tháng 7	368 - 372	346 - 350	378 - 382	313 - 317
Tháng 8	378 - 382	345 - 349	375 - 379	313 - 317
Tháng 9	368 - 372	328 - 332	366 - 370	313 - 317
Tháng 10	363 - 367	328 - 332	361 - 365	313 - 317
Tháng 11	363 - 367	333 - 337	358 - 362	313 - 317
Tháng 12	358 - 362	336 - 340	361 - 365	313 - 317

d) **Pakistan**

Pakistan	5% tằm	25% tằm	100% tằm Stxd
Đầu năm	353-357	318-322	298-302
Tháng 1	346 - 350	318 - 322	298 - 302
Tháng 2	358 - 362	323 - 327	303 - 307
Tháng 3	353 - 357	321 - 325	303 - 307
Tháng 4	362 - 366	326 - 330	306 - 310
Tháng 5	368 - 372	326 - 330	308 - 312

Tháng 6	343 - 347	313 - 317	308 - 312
Tháng 7	363 - 367	328 - 332	310 - 314
Tháng 8	363 - 367	336 - 340	313 - 317
Tháng 9	363 - 367	338 - 342	313 - 317
Tháng 10	363 - 367	338 - 342	316 - 320
Tháng 11	351 - 355	323 - 327	308 - 312
Tháng 12	353 - 357	323 - 327	308 - 312

e) **Mỹ**

Mỹ	4% tằm	15% tằm (Sacked)	Gạo đồ 4% tằm	Calrose 4% tằm
Đầu năm	523-527	493-497	558-562	798-802
Tháng 1	508 - 512	473 - 477	538 - 542	898 - 902
Tháng 2	498 - 502	463 - 467	524 - 527	899 - 902
Tháng 3	498 - 502	463 - 467	523 - 527	898 - 902
Tháng 4	488 - 492	463 - 467	523 - 527	883 - 887
Tháng 5	478 - 482	463 - 467	513 - 517	856 - 860
Tháng 6	488 - 492	463 - 467	523 - 527	823 - 827
Tháng 7	508 - 512	518 - 522	538 - 542	823 - 827
Tháng 8	508 - 512	518 - 522	538 - 542	823 - 827
Tháng 9	508 - 512	518 - 522	538 - 542	823 - 827
Tháng 10	513 - 517	523 - 527	543 - 547	808 - 812
Tháng 11	513 - 517	523 - 527	543 - 547	802 - 812
Tháng 12	513 - 517	523 - 527	543 - 547	823 - 827

3. Triển vọng thị trường gạo thế giới năm 2020

Hiện giá gạo trên thị trường thế giới cực kỳ sôi động, thậm chí có thời điểm vọt tăng lên mức cao nhất 7 năm trở lại đây. Giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ vào giữa tháng 4/2020 tăng lên mức cao nhất 8 tháng. Cụ thể, gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ đạt mức 375-380 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tuần đầu tiên của tháng 8/2019. Đến nửa đầu tháng 4 năm nay, giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan vọt tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 4/2013. Song, gần cuối tháng 4, giá gạo của nước này hạ nhiệt xuống còn 530-538 USD/tấn.

Sản lượng: Trong báo cáo nhanh “Nhu cầu và Cung cấp Ngũ cốc tháng 4/2020”, FAO dự báo sản lượng gạo toàn cầu năm 2019 - 2020 ở mức 512 triệu tấn, giảm từ mức kỉ lục 514,6 triệu tấn năm 2018 - 2019, và thay đổi rất ít so với dự báo trước đó vào tháng 3 là 512,2 triệu tấn. Còn theo báo cáo “Triển vọng và Bối cảnh Thị trường Gạo Toàn cầu” của FAO, mức sản lượng dự kiến hiện nay gần như là ở mức cao thứ hai sau mức kỉ lục. Thu hoạch bội thu tại các nước châu Á và châu Phi đã góp phần bù đắp cho sự sụt giảm của một số quốc gia khác do điều kiện thời tiết không thuận lợi và lợi nhuận người trồng lúa thấp. Trong báo cáo tháng 4/2020, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) hạ dự báo về sản lượng gạo toàn cầu xuống 496,1 triệu tấn, giảm 3,2 triệu tấn so với dự báo tháng 3, và thấp hơn 0,5% so với sản lượng vụ 2018/2019.

Thương mại: FAO cũng đưa ra dự báo đối với thương mại gạo toàn cầu năm 2019 - 2020, tăng lên mức 45,1 triệu tấn từ mức 44,1 triệu tấn của năm 2018 - 2019 và giảm so với mức 45,8 dự báo trước đó do nhu cầu nhập khẩu từ khu vực cận đông châu Á và châu Phi giảm. FAO cho rằng xuất khẩu gạo của Thái Lan và Ấn Độ sẽ giảm. Theo FAO, thương mại gạo toàn cầu sẽ phục hồi lại một phần trong năm 2020. Cơ quan này cũng cho rằng Ấn Độ sẽ tiếp tục là nước xuất khẩu gạo lớn nhất trên thế giới trong khi xuất khẩu của Trung Quốc tăng và Thái Lan sụt giảm.

Xuất khẩu gạo toàn cầu trong năm 2020 tiếp tục bị hạn chế bởi lệnh cấm và những hạn chế xuất khẩu gần đây ở một số nước Đông Nam Á để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong bối cảnh dịch Covid-19.

Tiêu thụ: FAO dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu năm 2019-2020 ở mức 513,4 triệu tấn, tăng từ mức 509,1 triệu tấn của năm 2018-2019, và giảm so với mức 514,4 triệu tấn dự báo trước đó. Dự báo tăng so với cùng kì năm trước do nhu cầu tiêu thụ lương thực tăng.

Tồn kho: tồn kho gạo toàn cầu năm 2019-2020 dự kiến đạt mức 182,6 triệu tấn, giảm so với mức 183,1 triệu tấn năm 2018-2019, và tăng nhẹ so với con số 182,2 triệu tấn dự báo trước đó. Con số này được điều chỉnh tăng so với tháng trước đó do các nước xuất khẩu gạo lớn dự kiến nâng tỉ lệ dự trữ quốc gia gói đầu lên mức 10,5%, mức cao nhất trong vòng 6 năm qua, 44 triệu tấn gạo. Trung Quốc tiếp tục là nước nắm giữ lượng gạo tồn kho lớn nhất trên thế giới.

Phần 2

**THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM NĂM 2019
VÀ CẬP NHẬT ĐẾN THÁNG 4 NĂM 2020**



1. Sản xuất lúa cả nước trong năm 2019

a. Diện tích gieo trồng, thu hoạch

- Gieo trồng: theo số liệu của Bộ NN&PTNT, tính chung toàn vụ đông xuân, cả nước gieo cấy được 3,12 triệu ha lúa, tăng 21,8 nghìn ha so với vụ đông xuân năm 2018, chủ yếu do cơ cấu lại mùa vụ gieo trồng. Diện tích gieo trồng lúa hè thu cả nước đạt 2,01 triệu ha, giảm 43,4 nghìn ha so với vụ hè thu năm 2018. Diện tích gieo trồng lúa thu đông đạt 724,2 nghìn ha, giảm 7,9 nghìn ha so với vụ thu đông 2018.

- Thu hoạch:

+ Năm 2019, năng suất lúa của các nước ước tính đạt 58,2 tạ/ha, tương đương với năng suất của năm 2018, sản lượng lúa ước tính đạt 43,45 triệu tấn, giảm 596,8 nghìn tấn.

+ Kết quả sản xuất vụ đông xuân năm 2019 thấp hơn năm trước do thời tiết những tháng đầu năm không thuận lợi ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa. Tính chung toàn vụ, năng suất cả nước đạt 65,5 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha; sản lượng đạt 20,47 triệu tấn, giảm 133 nghìn tấn.

+ Vụ lúa hè thu năm 2019 đạt kết quả sản xuất thấp hơn năm 2018 cả về diện tích, năng suất và sản lượng do thời tiết không thuận lợi, chi phí sản xuất tăng cao trong khi giá bán lúa lại thấp nên nông dân không đầu tư gieo trồng.

+ Năng suất lúa hè thu cả nước năm nay đạt 2 đạt 54,5 tạ/ha, giảm 0,1 tạ/ha; sản lượng đạt gần 10,95 triệu tấn, giảm 260,4 nghìn tấn. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có mức sản lượng đạt 8,68 triệu tấn, giảm 116,6 nghìn tấn so với năm 2018

b. Tình hình sâu, dịch bệnh, thời tiết

- **Tình hình sâu dịch bệnh:** theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại trên cây lúa tính đến ngày 30/12/2019 như sau:

+ Tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, v.v... gây hại trên lúa ở giai đoạn đòng đến trổ chín.

+ Các tỉnh Đông Nam bộ và ĐBSCL: rầy nâu phổ biến tuổi 5 - trưởng thành, xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ đến trung bình.

+ Bệnh đạo ôn lá, bệnh bạc lá, bệnh khô vằn, sâu đục thân, v.v... tiếp tục phát triển gây hại giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trổ. Chuột gây hại ở giai đoạn đòng trổ đến chín. Ốc bươu vàng gây hại giai đoạn mạ.

+ Muỗi hành (sâu năn) xuất hiện cục bộ ở giai đoạn lúa đẻ nhánh-đòng tại một số địa phương. Kết hợp với thời tiết se lạnh, trời âm u, có sương mù là điều kiện thích hợp cho muỗi hành phát sinh phát triển.

+ Các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang cần theo dõi chặt chẽ đối tượng này để có biện pháp quản lý hiệu quả.

- **Tình hình thời tiết:** nhận định về xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 11/2019

đến tháng 4/2020, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cho biết, nhiệt độ trung bình trên phạm vi cả nước có khả năng cao hơn so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ từ 0,5-1,0 độ C. Riêng tháng 12, khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ cao hơn từ 1-1,5 độ C. Dự báo đợt rét đậm đầu tiên có khả năng xuất hiện vào khoảng đầu tháng 1/2020. Rét đậm tập trung nhiều trong tháng 1 và tháng 2/2020.

+ Khu vực Bắc Bộ có tổng lượng mưa từ tháng 11/2019 đến 3/2020 từ 20-40 mm/tháng (cao hơn trung bình nhiều năm). Mùa đông có thể xuất hiện số đợt mưa rào và dông khi có gió mùa Đông Bắc. Tháng 4/2020, tổng lượng mưa tại khu vực phổ biến thấp hơn trung bình nhiều năm từ 10 - 25%.

+ Khu vực Bắc Trung Bộ từ tháng 11/2019 đến 3/2020, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm; riêng tháng 12/2019 tổng lượng mưa từ 20 - 40 mm/tháng (cao hơn trung bình nhiều năm).

+ Tháng 11/2019, tổng lượng mưa tại khu vực Trung Trung Bộ phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm từ 10 - 25%; khu vực Nam Trung Bộ tổng lượng mưa thấp hơn từ 15 - 30%.

+ Tại khu vực Tây Nguyên, tổng lượng mưa từ tháng 11/2019 tháng 3/2020 phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm

+ Khu vực Nam Bộ tổng lượng mưa tháng 11, tháng 12/2019 thấp hơn từ 10 - 30% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ, tháng 1 đến 3/2020 phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

2. Cập nhật sản xuất lúa cả nước tháng 04/2020

a. Diện tích gieo trồng, thu hoạch

- Gieo trồng: theo số liệu của Bộ NN&PTNT, cả nước gieo trồng được 2.998,7 nghìn ha lúa đông xuân, giảm 3% so với cùng kì năm trước. Trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.076,8 nghìn ha, giảm 1%; các địa phương phía Nam đạt 1.921,9 nghìn ha, giảm 4%.

+ Tại các địa phương phía Bắc, thời tiết nắng ấm cùng nguồn nước tưới được cung ứng hợp lí tạo điều kiện thuận lợi cho việc gieo trồng lúa.

+ Hiện nay, cây lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng, sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên dự báo thời tiết sẽ nắng nóng, sâu bệnh gây hại diễn biến phức tạp, cần theo dõi sát diễn biến tình hình sâu bệnh và xử lí kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa.

+ Sản xuất lúa đông xuân ở các địa phương phía Nam gặp khó khăn do tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng, riêng diện tích gieo trồng lúa đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay đạt 1.546,4 nghìn ha, giảm 57,9 nghìn ha so với cùng kì năm trước.

+ Một số địa phương có diện tích lúa giảm nhiều là: Bình Thuận giảm 15,5 nghìn ha; Sóc

Trăng giảm 15,4 nghìn ha; Trà Vinh giảm 8,2 nghìn ha; Ninh Thuận giảm 5,1 nghìn ha.

- Thu hoạch;

+ Đến nay, các địa phương phía Nam đã thu hoạch 1.143,1 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 5,9% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 1.121 nghìn ha, tăng 5,9% với năng suất ước tính đạt 68,6 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước.

+ Có được kết quả này là do ngành Nông nghiệp đã chủ động triển khai các giải pháp phòng chống và ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn, sử dụng các loại giống lúa ít bị nhiễm sâu bệnh cho năng suất cao

b. Tình hình sâu, dịch bệnh, thời tiết

- **Tình hình sâu dịch bệnh:**

+ Rầy nâu: rầy nâu trên đồng tuần tới xuất hiện phổ biến rầy tuổi 5, trưởng thành gây hại chủ yếu ở mức nhẹ trên trà lúa mạ đến đồng trổ.

+ Sâu cuốn lá: Có khả năng xuất hiện và gây hại ở mức độ nhẹ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh- đồng trổ. Chú ý những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm, phun thuốc trừ sâu sớm đầu vụ có khả năng bị hại ở mức trung bình.

+ Cháy lá: Tuần giữa tháng 4 có thể gia tăng diện tích, tỉ lệ nhiễm do điều kiện thời tiết hiện nay sáng sớm nhiều sương mù, ẩm độ không khí cao thích hợp cho bệnh đạo ôn phát triển trên lúa giai đoạn đẻ nhánh-đồng trổ

- **Thời tiết:** Vào đầu tháng 4, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TM-MT) vừa mới có báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đề xuất các biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và giải quyết vấn đề hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên, xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long

+ Cụ thể, nhiều hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa lớn, quan trọng, lượng nước tích được đầu mùa cạn là không nhiều, chỉ từ 40-70% tùy từng hồ, đặc biệt có hồ chứa chỉ tích được khoảng 15-25%. Các hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ cũng chỉ tích được 70-80%, nhiều hồ chỉ đạt 40-50%.

+ Dự báo, trong những tháng còn lại đặc biệt là từ tháng 5 đến tháng 8/2020, lượng dòng chảy trên các sông suối ở khu vực này vẫn rất nhỏ, phổ biến thiếu hụt từ 15-70% so với trung bình nhiều năm và có thể gay gắt hơn mùa khô năm 2019. Vì vậy, nguy cơ tiếp tục xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước là rất lớn và có thể sẽ rất nghiêm trọng.

3. Cân đối cung cầu thị trường gạo Việt Nam, cập nhật tháng 04/2020

Tính đến trung tuần tháng Ba, cả nước gieo trồng được 2.998,7 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 97% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.076,8 nghìn ha, bằng 98,9%; các địa phương phía Nam đạt 1.921,9 nghìn ha, bằng 96% (Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.546,4 nghìn ha, giảm 57,9 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước). Đến nay, các địa phương phía Nam đã thu hoạch 1.143,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 105,9% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng

sông Cửu Long thu hoạch 1.121 nghìn ha, bằng 105,9% với năng suất ước tính đạt 68,6 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước. Cũng đến trung tuần tháng Ba, vùng Đồng bằng sông Cửu Long kết thúc thu hoạch lúa vụ mùa 2019-2020. Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, diện tích gieo trồng toàn vùng ước tính đạt 169,2 nghìn ha, giảm 2,5 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 44,5 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha; sản lượng đạt 753,2 nghìn tấn, giảm 26,6 nghìn tấn.

Theo TTXVN, sau khi đã tính toán kỹ để đảm bảo an ninh lương thực, Bộ Công Thương đề nghị có thể cho phép tiếp tục xuất khẩu gạo nhưng phải kiểm soát chặt số lượng xuất khẩu theo từng tháng, trước mắt là tháng 4 và tháng 5 năm 2020.

Phương án điều hành xuất khẩu gạo của Bộ Công Thương được dựa trên thực tế dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp, cần đảm bảo tuyệt đối an ninh lương thực quốc gia, không để xảy ra tình trạng thiếu lương thực trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Hơn nữa, phương án còn dựa vào cơ sở đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, có biện pháp hợp lý để duy trì chuỗi sản xuất lúa gạo; hỗ trợ tiêu thụ thóc, gạo cho người nông dân với giá tốt; bảo đảm mục tiêu kép là duy trì sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

Đặc biệt, phương án này dựa trên thông báo chính thức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lượng gạo hàng hoá vụ Đông Xuân có thể xuất khẩu, cụ thể là 3 triệu tấn. Đây là số lượng còn lại sau khi đã bảo đảm nhu cầu tiêu dùng và dự trữ thông thường trong nước. Về số lượng xuất khẩu, công văn cũng nêu rõ, theo thông báo chính thức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lượng gạo hàng hoá của vụ Đông Xuân có thể xuất khẩu là khoảng 3 triệu tấn, nếu tính cả lượng gói đầu từ năm 2019 chuyển qua là khoảng 3,2 triệu tấn.

Với tốc độ xuất khẩu 25 nghìn tấn/ngày trong 3 tháng vừa qua do các tờ khai đã mở trước 0h ngày 24/3 vẫn tiếp tục được thực hiện, ước tính lượng gạo xuất khẩu tới ngày 31/3 sẽ vào khoảng 1,7 triệu tấn. Do vậy, lượng gạo có thể xuất khẩu còn lại khoảng 1,5 triệu tấn.

Nhu cầu an ninh lương thực trong tháng 4 và tháng 5 cần khoảng 300 nghìn tấn để thực hiện kế hoạch mua năm 2020 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

Phần 3

**THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU
GẠO VIỆT NAM**



**Việt Nam đoạt giải
gạo ngon nhất thế giới**

1. Giá gạo nội địa và xuất khẩu, cập nhật quý 1 và tháng 4/2020

1.1 Giá gạo nội địa

Trong khi giá gạo xuất khẩu của Thái Lan trên thị trường thế giới, kéo dài đà tăng trong tháng 3/2020 lên mức cao nhất trong vòng 6 năm; giá gạo Việt Nam cũng đã tăng lên mức cao nhất trong gần 16 tháng qua. Cụ thể, gạo tiêu chuẩn 5% Thái Lan được chào bán ở mức 480 – 505 USD/tấn, tăng so với 460 - 467 USD/tấn đầu tháng. Giá gạo 5% tằm Việt Nam tăng lên 410 USD/tấn, tăng so với 400 USD/tấn đầu tháng. Gạo đỏ 5% tằm Ấn Độ ở mức 363 – 367 USD/tấn, giảm so với 367 – 371 USD/tấn đầu tháng do tỷ giá đồng Rupee đi xuống và nguồn cung dư dả do giảm giao thương với Iran. Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nhìn chung có xu hướng tăng trong tháng 3/2020. Tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đồng/kg lên mức 4.800 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 300 đồng/kg lên mức 5.100 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đồng/kg lên mức 4.900 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, lúa Đài Thơm 8 tăng 200 đồng/kg lên 5.400 – 5.500 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 200 đồng/kg lên mức 5.100 – 5.300 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ở mức 5.400 đồng/kg; lúa OM 4218 ở mức 5.800 – 6.000 đồng/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.000 – 6.200 đồng/kg, ổn định trong suốt tháng 3/2020.

Giá lúa tại khu vực ĐBSCL nhìn chung có xu hướng tăng trong tháng 4/2020, đặc biệt là các loại lúa thường. Tại một số địa phương, các thương nhân thu gom nhiều loại lúa thường để chế biến thành gạo trắng xuất khẩu và dự trữ, do đó đã khiến giá tăng lên mạnh, đặc biệt là ngay sau khi Chính phủ cho phép xuất khẩu vào đầu tháng 4/2020. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên 5.500 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 100 đ/kg lên mức 5.700 đ/kg; lúa OM 6976 giữ ở mức 5.600 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 300 đ/kg lên mức 5.700 – 5.800 đ/kg; lúa OM 4218 tăng 500 đ/kg lên mức 6.600 – 6.800 đ/kg.

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Long An	Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Cần Thơ	Tỉnh An Giang	Tỉnh Bạc Liêu	Tỉnh Kiên Giang	Giá cao nhất	Giá BQ
Lúa Tươi Tại Ruộng									
Hạt dài			5.900		5.875		6.100	6.100	5.958
Lúa thường	5.550		5.500		5.150		5.400	5.550	5.400
Lúa Khô Ướt Tại Kho									
Hạt dài		6.800	7.150		6.175		7.100	7.150	6.806
Lúa thường	6.750	6.300	6.350		5.450		6.400	6.750	6.250
Gạo Nguyên Liệu									
Lứt loại 1	8.950	8.700	8.900		8.750		9.000	9.000	8.860
Lứt loại 2	8.450	8.200	8.250	8.250	8.225	8.150	8.200	8.450	8.246
Xát trắng loại 1				10.250	10.350		10.600	10.600	10.400
Xát trắng loại 2		9.850		9.450	9.850	9.750	9.700	9.850	9.720
Phu Phẩm									
Tấm 1/2	7.450	8.100	7.350	7.150	7.250	7.250	7.600	8.100	7.450
Tấm 2/3		7.100	7.050		5.950		6.300	7.100	6.600
Tấm 3/4	5.950	5.950	6.050	5.800				6.050	5.938
Cám xát	4.950	4.950	4.950	4.900	4.950		4.900	4.950	4.933
Cám lau	4.950	4.950	4.950	4.900		4.850	4.900	4.950	4.917
Gạo TPXK Không Bao Tại Man									
5%	10.250	10.150	10.050	9.850		9.900	9.850	10.250	10.008
10%	10.050	10.050						10.050	10.050
15%	9.850	9.950	9.850	9.550		9.750	9.650	9.950	9.767
20%		9.850						9.850	9.850
25%	9.650	9.750	9.650	9.250		9.600	9.050	9.750	9.492

Bảng 4: Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh ĐBSCL từ 25/3-31/3 (Nguồn: VFA/ Đơn vị: đồng/kg).

1.2 Giá gạo XK

Giá gạo xuất khẩu bình quân quý đầu tiên của năm đạt 461,9 USD/tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2019

GIÁ GẠO XUẤT KHẨU CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NGÀY 28/04/2020 [29-04-2020]

QUỐC GIA	LOẠI GẠO	(Nguồn Oryza)
		GIÁ (USD/MT, FOB)
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	543 - 547
	5% tấm	533 - 537
	25% tấm	498 - 502
	Hom Mali 92%	1093 - 1097
	Gạo đỏ 100% Stxd	533 - 537
VIỆT NAM	A1 Super	440 - 444
	5% tấm	458 - 462
	25% tấm	448 - 452
	Jasmine	573 - 577
ẤN ĐỘ	100% tấm	378 - 382
	5% tấm	368 - 372
	25% tấm	338 - 342
	Gạo đỏ 5% tấm Stxd	378 - 382
	100% tấm Stxd	293 - 297
	PAKISTAN	5% tấm
25% tấm		403 - 407
100% tấm Stxd		323 - 327
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	448 - 452
	MỸ	4% tấm
15% tấm (Sacked)		588 - 592
Gạo đỏ 4% tấm		603 - 607
Calrose 4% tấm		936 - 940

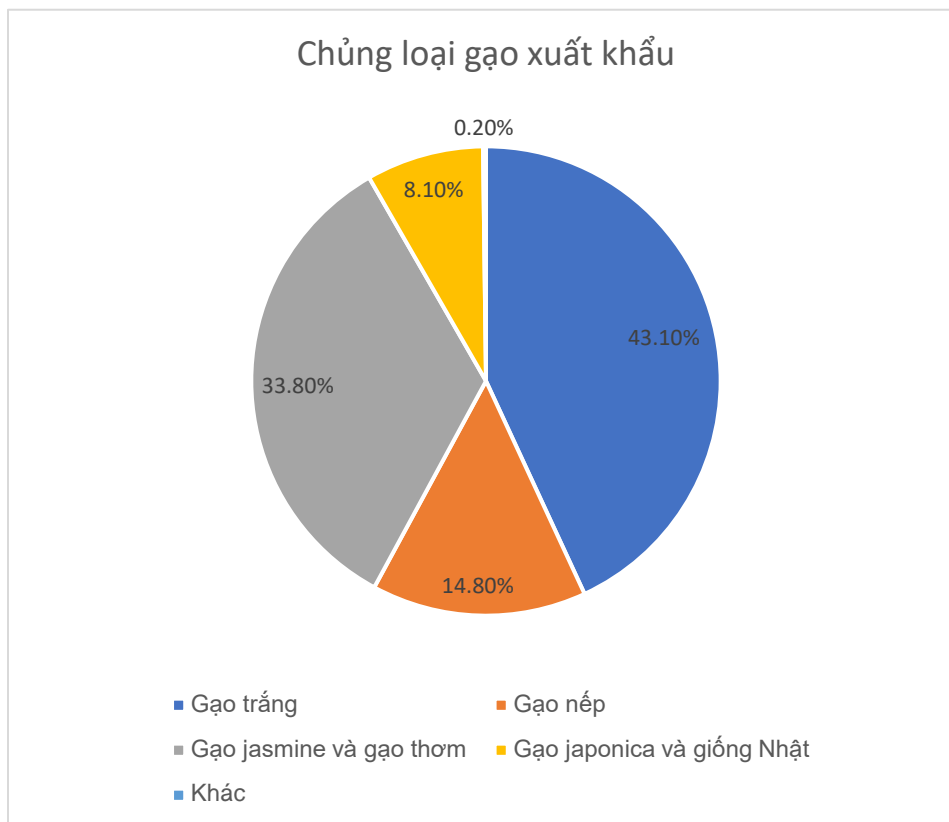
GIÁ GẠO XUẤT KHẨU CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NGÀY 13/05/2020 [13-05-2020]

QUỐC GIA	LOẠI GẠO	(Nguồn Oryza)
		GIÁ (USD/MT, FOB)
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	488 - 492
	5% tấm	478 - 482
	25% tấm	473 - 477
	Hom Mali 92%	1058 - 1062
	Gạo đỏ 100% Stxd	483 - 487
VIỆT NAM	A1 Super	428 - 432
	5% tấm	468 - 472
	25% tấm	453 - 457
	Jasmine	563 - 567
ẤN ĐỘ	100% tấm	368 - 372
	5% tấm	368 - 372
	25% tấm	338 - 342
	Gạo đỏ 5% tấm Stxd	378 - 382
	100% tấm Stxd	298 - 302
	PAKISTAN	5% tấm
25% tấm		398 - 402
100% tấm Stxd		333 - 337
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	448 - 452
	MỸ	4% tấm
15% tấm (Sacked)		588 - 592
Gạo đỏ 4% tấm		603 - 607
Calrose 4% tấm		936 - 940

2. Tổng Xuất khẩu gạo (bao gồm cả chính ngạch và tiểu ngạch), cập nhật quý 1 /2020

Theo số liệu từ Tổng cục Hải Quan, tính đến ngày 15/3/2020, khối lượng gạo xuất khẩu đạt 1,3 triệu tấn, trị giá 606,2 triệu USD, tăng 26,2% về lượng và 34,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ước tính xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2020, khối lượng gạo đạt 1,67 triệu tấn (tăng 19,9%) và giá trị đạt 774 triệu USD (tăng 27,8%) so với cùng kỳ năm 2019. Chủng loại gạo được xuất khẩu nhiều nhất là gạo trắng (43,1%) và gạo jasmine, gạo thơm (33,8%).

Xuất khẩu gạo tháng 4 đạt 510,197 tấn, giảm 13.7% so với tháng 3. Tổng giá trị xuất khẩu gạo đạt



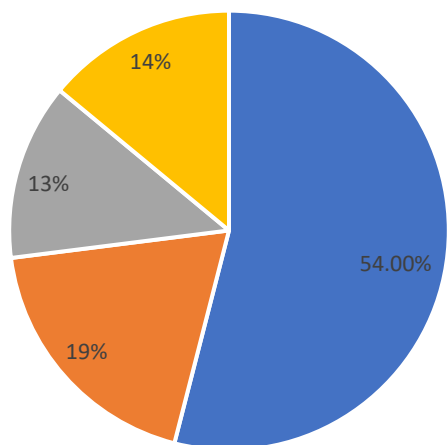
254,373,965 USD, giảm 6.3% so với tháng trước.

3. Thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam, cập nhật quý 1/2020

Philippines là thị trường nhập khẩu gạo chính của Việt Nam quý 1 2020, tập trung vào nhập khẩu gạo nếp và gạo trắng. Philippines đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 36,7% thị phần, sản lượng đạt 594,2 nghìn tấn (tăng 8,2%), giá trị đạt 257,2 triệu USD (tăng 19,1%) so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 4, Philippines tiếp tục nhập khẩu 272,707 tấn gạo của Việt Nam với giá trị đạt 128.72 triệu USD

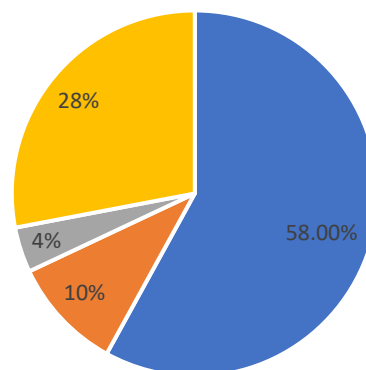
Tổng 4 tháng đầu năm, nước này nhập 902,061 tấn gạo (giá trị đạt 401.27 triệu USD) chiếm 42.8% về lượng và 40.5% về giá trị. Đứng ngay sau là Trung Quốc và Malaysia nhập lần lượt 273,529 và 220,712 tấn.

Xuất khẩu gạo nếp



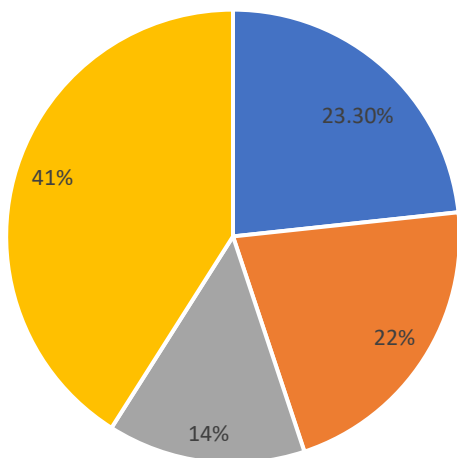
■ Trung Quốc ■ Philippines ■ Malaysia ■ Khác

Xuất khẩu gạo Japonica, gạo Nhật



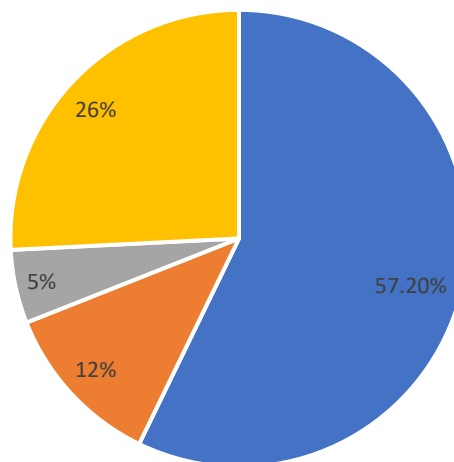
■ Kiribati ■ Đảo quốc Solomon ■ Philippines ■ Khác

Xuất khẩu gạo Jasmine, gạo thơm



■ Philippines ■ Iraq ■ Ghana ■ Khác

Xuất khẩu gạo trắng



■ Philippines ■ Malaysia ■ Cuba ■ Khác

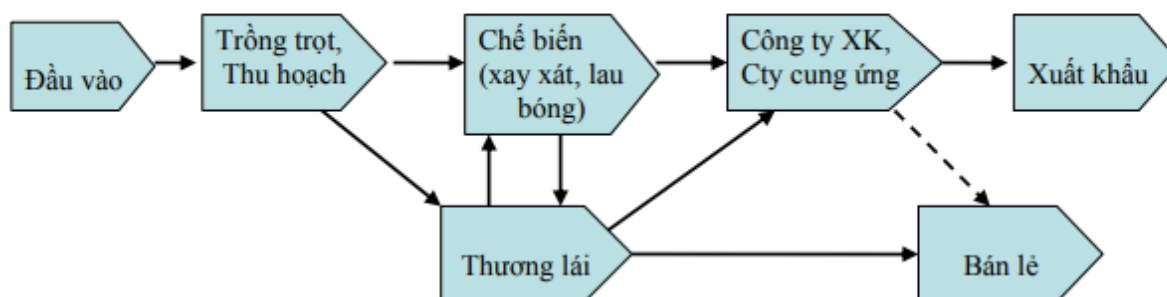
Phần 4

CẤU TRÚC NGÀNH



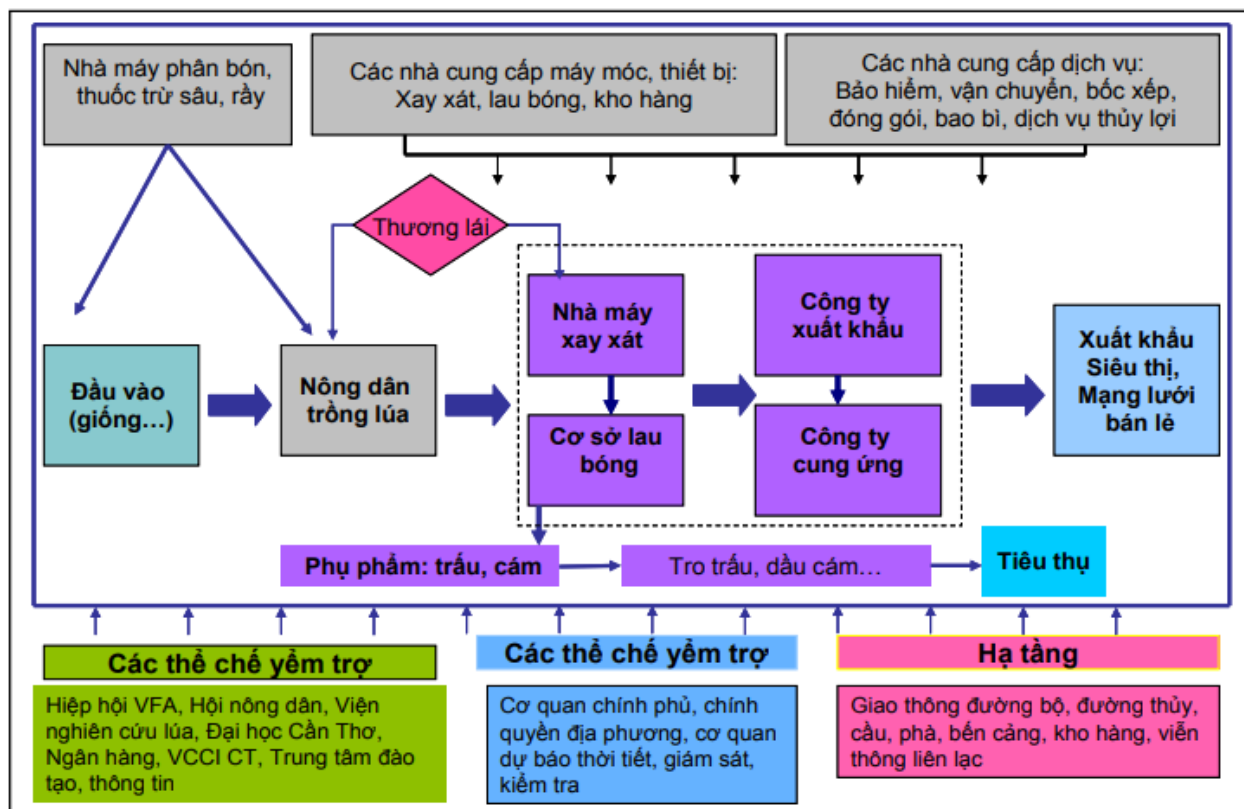
1. Chuỗi giá trị lúa gạo xuất khẩu:

Mối liên kết trong chuỗi giá trị lúa gạo



Chuỗi giá trị lúa gạo ở ĐBSCL là một hệ thống kết nối các phân khúc từ cung cấp đầu vào, trồng trọt (và thu hoạch), chế biến (xay xát, lau bóng), phân phối và tiêu thụ cuối cùng. Các tác nhân tham gia bao gồm: Nông dân, thương lái, nhà máy xay xát, các công ty cung ứng, công ty xuất khẩu, mạng lưới bán sỉ, bán lẻ. Tham gia vào chuỗi còn có các ngành có liên quan, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng và thể chế hỗ trợ. Đầu vào Trồng trọt, Thu hoạch Chế biến (xay xát, lau bóng) Công ty XK, Cty cung ứng Xuất khẩu Thương lái Bán lẻ Các thể chế yểm trợ Hạ tầng Hiệp hội VFA, Hội nông dân, Viện nghiên cứu lúa, Đại học Cần Thơ, Ngân hàng, VCCI CT, Trung tâm đào tạo, thông tin Giao thông đường bộ, đường thủy, cầu, phà, bến cảng, kho hàng, viễn thông liên lạc Phụ phẩm: trấu, cám Tro trấu, dầu cám... Đầu vào (giống...) Công ty xuất khẩu Công ty cung ứng Các nhà cung cấp máy móc, thiết bị: Xay xát, lau bóng, kho hàng Các nhà cung cấp dịch vụ: Bảo hiểm, vận chuyển, bốc xếp, đóng gói, bao bì, dịch vụ thủy lợi Tiêu thụ Các thể chế yểm trợ Cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương, cơ quan dự báo thời tiết, giám sát, kiểm tra Thương lái Nông dân trồng lúa Nhà máy xay xát Cơ sở lau bóng Nhà máy phân bón, thuốc trừ sâu, rầy Xuất khẩu Siêu thị, Mạng lưới bán lẻ Các thể chế yểm trợ Hạ tầng Hiệp hội VFA, Hội nông dân, Viện nghiên cứu lúa, Đại học Cần Thơ, Ngân hàng, VCCI CT, Trung tâm đào tạo, thông tin Giao thông đường bộ, đường thủy, cầu, phà, bến cảng, kho hàng, viễn thông liên lạc Phụ phẩm: trấu, cám Tro trấu, dầu cám... Đầu vào (giống...) Công ty xuất khẩu Công ty cung ứng Các nhà cung cấp máy móc, thiết bị: Xay xát, lau bóng, kho hàng Các nhà cung cấp dịch vụ: Bảo hiểm, vận chuyển, bốc xếp, đóng gói, bao bì, dịch vụ thủy lợi Tiêu thụ Các thể chế yểm trợ Cơ quan chính phủ, chính quyền địa phương, cơ quan dự báo thời tiết, giám sát, kiểm tra Thương lái

Nguồn: Tác giả Sơ đồ dưới đây mô tả mối liên hệ trong chuỗi giá trị lúa gạo đi từ người nông dân trồng lúa đến khâu xay xát, chế biến, xuất khẩu trong mối liên hệ với các yếu tố thể chế và các ngành liên quan.



Điểm yếu nhất trong chuỗi là những người trồng lúa (được hưởng lợi nhuận thấp nhất trong chuỗi giá trị. Vùng ĐBSCL, nơi chiếm 1/2 sản lượng lúa và 90% sản lượng xuất khẩu. Sản xuất lúa gạo còn gặp nhiều rủi ro do thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt. Ở ĐBSCL, mỗi hộ canh tác 3 vụ lúa được lợi nhuận 35 - 40 triệu đồng/ha/năm, thấp hơn 2,7 lần so với Thái Lan; 1,5 lần so với Indonesia và Philippines. Nguyên nhân được chỉ ra tại hội nghị là quy mô sản xuất nông hộ nhỏ, cơ giới hóa khó khăn. Tại ĐBSCL, quy mô sản xuất trung bình của hộ trồng lúa là 1 ha/hộ, có hơn 48% hộ từ 0,5 - 2 ha. Diện tích cánh đồng lớn chỉ chiếm dưới 5% diện tích canh tác lúa.

2. Phân tích thuận lợi, khó khăn và phân tích SWOT

2.1. Thuận lợi và khó khăn:

Thuận lợi	Đối tượng	Khó khăn
<p>Vật tư đầu vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều kiện giao thông thuận lợi; • Cửa hàng có uy tín, khách hàng quen; • Có nguồn cung cấp ổn định; • Các công ty hỗ trợ kỹ thuật và gói đầu; <p>Giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cầu lớn hơn cung; • Ít cơ sở sản xuất tập trung (trung tâm giống của các tỉnh hay trung tâm khuyến nông (57,1%); Viện, trường đại học (42,9%) và các công ty hay cơ sở kinh doanh lúa giống khác.) 	<p>Nguyên liệu đầu vào</p>	<p>Vật tư đầu vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bán chịu cho nông dân nhiều, chậm và khó thu hồi vốn; • Thiếu vốn kinh doanh; • Kênh mương cạn, vận chuyển khó khăn; • Cạnh tranh cao; <p>Giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiếu lò sấy, sân phơi, máy tách hạt. • Lúa giống sản xuất ra không phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương nên khó tiêu thụ; • Đánh giá nhu cầu thị trường chưa chính xác dẫn đến sản xuất không đáp ứng được nhu cầu thị trường; • Số lượng và chất lượng giống không ổn định; • Giá bán không ổn định, phụ thuộc vào giá lúa hàng hóa trên thị trường; • Thiếu kho dự trữ lúa giống; • Chưa có thương hiệu; • Hiện tại chủ yếu sản xuất và bán trực tiếp cho nông dân, chưa có nhiều công ty thực hiện bao tiêu sản phẩm.
<ul style="list-style-type: none"> • Tiêu thụ lúa dễ dàng qua thương lái; • Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa; • Thủy lợi nội đồng thuận lợi; • Lựa chọn đầu vào dễ dàng; • Là đối tượng được ưu đãi vay vốn lãi suất thấp trong sản xuất lúa; 	<p>Nông dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất nhỏ lẻ manh mún nên năng suất thấp; khó áp dụng công nghệ cao vào sản xuất; • Ô nhiễm môi trường, tác động của biến đổi khí hậu giảm/thiệt hại diện tích cây trồng. • Đầu ra không ổn định

<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý sản xuất của nông hộ tốt. 		<ul style="list-style-type: none"> • Thương lái không mua đúng giá sàn do Nhà nước qui định; • Dịch bệnh xuất hiện nhiều; • Chi phí đầu vào cao; • Thiếu kho dự trữ lúa, thiếu sân phơi lúa; • Bán thông qua “Cò lúa”; • Không kiểm soát được chất lượng đầu vào.
<ul style="list-style-type: none"> • Có uy tín, có mối quen; • Biết được thông tin về giá cả thị trường một cách thường xuyên; • Có sẵn nguồn vốn từ gia đình; • Giao thông thuận lợi; • Nhiều nguồn đầu vào đầu ra. 	Thương lái	<ul style="list-style-type: none"> • Giá cả biến động thất thường; • Cạnh tranh giữa các thương lái cao; • Thiếu kho chứa để dự trữ lúa; • Lợi nhuận thấp.
<ul style="list-style-type: none"> • Có được nguồn đầu vào ổn định; • Đầu ra thuận lợi, kết nối tốt với thương lái và các công ty lương thực và việc vận chuyển trong mua bán dễ dàng; 	Nhà máy lau bóng	<ul style="list-style-type: none"> • Phụ phẩm (cám) khó tiêu thụ và giá thấp; • Chất lượng gạo chưa cao (trộn); • Giá gạo thành phẩm thay đổi khó dự báo.
<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ của chính phủ, VFA; • Được ưu đãi trong vay vốn lãi suất thấp; • Có kinh nghiệm kinh doanh; • Chủ động đầu vào; • Hậu cần tương đối tốt. 	Công ty xk	<ul style="list-style-type: none"> • Không thể quản lý giá sàn đối với thương lái; • Giá cả không ổn định; • Chất lượng gạo lẫn giống không cao dẫn tới sức cạnh tranh kém; • Cạnh tranh ngành cao; • Bị động trong xuất khẩu.
<ul style="list-style-type: none"> • Có nhiều khách hàng cố định; • Có địa điểm mua bán thuận lợi; • Có nhiều nguồn mua gạo; • Nhu cầu tiêu dùng gạo cao; • Tận dụng lao động gia đình; • Có kinh nghiệm mua bán lâu năm; 	Bán sỉ/lẻ	<ul style="list-style-type: none"> • Giá cả gạo không ổn định; • Cạnh tranh cao giữa những người bán gạo; • Khó vay vốn trong kinh doanh; • Chất lượng gạo chưa cao; • Thiếu kho chứa gạo;

<ul style="list-style-type: none"> • Gạo lâu hỏng nên dự trữ được lâu; • Có nguồn vốn tự kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> • Người tiêu dùng trả chậm; • Thất thoát gạo.
--	--

2.2. Phân tích SWOT ngành gạo:

<p>Điểm mạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn lực sản xuất cạnh tranh: diện tích lớn, người trồng lúa có nhiều kinh nghiệm do sản xuất lâu đời, nguồn lao động nông nghiệp dồi dào. • Đất nông nghiệp ở ĐBSCL ít chịu ảnh hưởng của thời tiết nên sản lượng lương thực tăng ổn định, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. 	<p>Cơ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xu hướng tiêu dùng gạo trên thế giới theo hướng ưa chuộng gạo thơm ngon - trắng thường, dẫn đến sự phân khúc thị trường làm có lợi cho người trồng lúa đặc sản; • Thị trường xuất khẩu vẫn lớn đối với gạo cấp trung và cấp thấp. • Các ngành, Viện trường quan tâm đầu tư phát minh về giống, kỹ thuật. • Được sự hỗ trợ của Chính phủ về: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật và tài chính giúp nông dân cải thiện được quy trình trồng lúa theo hướng chất lượng. - Đầu tư lớn vào hạ tầng nông thôn giúp sản xuất và vận chuyển sản phẩm dễ dàng hơn. - Chủ trương xây dựng và chọn một số sản phẩm chủ lực xuất khẩu để hỗ trợ nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu trên thị trường thế giới giúp cải thiện tình hình sản xuất lúa gạo theo hướng tăng chất lượng và giá trị. • Các Tập đoàn lớn như Vingroup, Trường Hải, Lộc Trời... quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm áp dụng công nghệ cao trên các cánh đồng mẫu lớn để giảm chi phí sản xuất và sản xuất các sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao.
--	--

Điểm yếu	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất nhỏ, manh mún, không có kế hoạch chung, bán qua nhiều tác nhân trung gian trong chuỗi ngành hàng nên nông dân chịu rủi ro và tổn thương lớn trong chuỗi ngành hàng. • Giá vật tư nông nghiệp cao, không ổn định và chưa kiểm soát được chất lượng. • Thủy lợi: công điều tiết nước ở các vùng đê bao, thủy lợi, giao thông nội đồng chưa hoàn chỉnh ảnh hưởng đến việc điều tiết nước và cơ giới hóa nông nghiệp. • Thị trường có quá nhiều giống lúa và nông dân chưa nắm rõ được nguồn gốc của một số giống lúa nên việc trồng lúa theo quy trình là một khó khăn; • Chất lượng lúa còn thấp không ổn định, dẫn tới giá bán thiếu cạnh tranh trên thị trường thế giới; • Thiếu lượng gạo đặc sản trong phân khúc thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • Gạo xuất khẩu của Việt Nam chưa xây dựng được thương hiệu trên thị trường thế giới nên giá trị gia tăng thấp, ảnh hưởng đến thu nhập tác nhân trong toàn chuỗi, nhất là nông dân. • Cạnh tranh về giá cả và chất lượng gạo trên thế giới ngày càng gay gắt hơn. • Một số vùng phải đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang canh tác cây trồng khác. • Chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. • Chuỗi giá trị lúa gạo qua nhiều khâu trung gian làm giảm lợi nhuận người trồng lúa. • Chính sách tiêu thụ còn nghiêng về ưu tiên cho doanh nghiệp quốc doanh. • Chưa quản lý chặt chẽ giá xuất khẩu giữa công ty nhà nước và tư nhân.

Phần 5

GIỚI THIỆU TOP 10

DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU GẠO



1. Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Vinafood II

Hiện nay, Công ty TNHH Một Thành Viên – Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Vinafood II sở hữu một hệ thống các nhà máy và kho tàng lớn trải rộng từ thành phố Đà Nẵng cho tới Cà Mau, trong số đó trọng điểm là các tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long (SCL) nhằm phục vụ hiệu quả cho việc lưu trữ và chế biến các loại nông sản xuất khẩu.

Các nhà máy trực thuộc Vinafood II đều sử dụng công nghệ và các thiết bị hiện đại từ nhiều quốc gia như Nhật Bản, Đức, Pháp, Đan Mạch Ý để sản xuất ra các loại gạo đáp ứng nhu cầu của mọi thị trường. Mỗi năm công ty mua và chế biến khoảng 3 triệu tấn gạo sau đó phân phối tới các thị trường như Châu Á, các nước Đông Âu, vài nước thuộc liên minh Châu Âu (EU), các nước vùng Trung Đông, Châu Phi, Châu Mỹ. Gạo là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Vinafood II; bên cạnh đó công ty còn chế biến và xuất khẩu một số nông sản khác như hạt điều, cà phê, sắn lát, bắp và các loại đậu.

Các sản phẩm gạo nổi bật của công ty:

- Gạo thơm Bông sứ xanh
- Gạo thơm Bông sứ đỏ
- Gạo thơm Bông trắng nguyên độ
- Gạo thơm Bông bưởi vàng
- Nếp sếp
- Gạo thơm Việt Mỹ
-

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: 0283 837 0025 - 0283 837 0026

Fax: (84-28) 3.8365898 – 3.8365899

Email: vanphong@vsfc.com.vn

Website: <http://www.vinafood2.com.vn/>

2. Công ty CP Xuất Nhập Khẩu An Giang - Angimex

Được thành lập ngày 23/07/1976 và cổ phần hóa ngày 01/01/2008, Angimex là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lương thực, vật tư nông nghiệp, thương mại dịch vụ, ... với ngành hàng chủ lực là lúa, gạo. Hơn 35 năm kinh nghiệm hoạt động kinh doanh, Angimex rất tự hào đã được các khách hàng khó tính từ các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á, ... cũng như khách hàng trong nước tin tưởng và chấp nhận.

Với hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ, Angimex đã, đang và sẽ cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao nhất và dịch vụ chuyên nghiệp nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Angimex không ngừng cải tiến để đáp ứng sự kỳ vọng, mong muốn ngày càng cao của khách hàng cũng như yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Angimex có thể sản xuất cao nhất 2.200 tấn gạo/ngày nên đây cũng là một trong những công ty xuất nhập khẩu gạo lớn nhất nước ta. Angimex có hệ thống các nhà máy chế biến lương thực trải rộng khắp các vùng nguyên liệu trọng điểm, có giao thông thuận lợi, cùng các kho có sức chứa lên đến 100.000 tấn; ngoài ra công ty còn có hệ thống sấy, xay xát và lau bóng gạo cùng các máy tách màu với công nghệ hiện đại.

Hiện nay Angimex từ 230.000 - 300.000 tấn gạo/năm với nhiều chủng loại gạo sang nhiều thị trường lớn như: Singapore, Malaysia, Indonesia, châu Phi, Iran, Iraq, Cuba, Hongkong, Philippines.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 01, Ngô Gia Tự, TP. Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: 02963 841 548 - 0296 3 840 382

Fax: 0296 3 843 239

Email: rice@angimex.com.vn

Website: <http://www.angimex.com.vn/vi/>

3. Công ty TNHH Việt Hưng

Công ty TNHH Việt Hưng sở hữu đội ngũ nhân viên rất giàu kinh nghiệm và khả năng sáng tạo cao, luôn hết mình cống hiến và nỗ lực làm việc vì sự phát triển của công ty. Công ty TNHH Việt Hưng hoạt động trong lĩnh vực xay xát, chế biến gạo, kinh doanh lương thực trong nước và xuất khẩu; vận chuyển hàng hóa đường thủy và cho thuê kho bãi. Hiện công ty chuyên kinh doanh các loại gạo đặc sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Công ty TNHH Việt Hưng hiện có 3 nhà máy chế biến gạo thành phẩm, 1 nhà máy xay lúa 20.000 tấn và 5 sà lan chuyên dùng (với tổng tải trọng 4.000 tấn).

Công ty hiện có tổng nguồn vốn kinh doanh khoảng 215 tỷ đồng; trong đó vốn cố định 28 tỷ đồng, vốn lưu động 187 tỷ đồng. Với các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực mới chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao cùng khả năng hoạch định để phục vụ tối đa cho các chiến lược phát triển dài hạn của công ty cùng với việc áp dụng các công nghệ chế biến gạo tiên tiến; sự quản lý và giám sát chặt chẽ nên Công ty TNHH Việt Hưng đã từng bước nhanh chóng khẳng định được tên tuổi và thương hiệu của mình ở thị trường gạo trong nước cũng như thị trường xuất khẩu với các sản phẩm gạo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quốc tế cùng dịch vụ vận chuyển nhanh chóng, mức giá cạnh tranh.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ:

- Khu Phố Cầu Xéo , X.Hậu Thành , H.Cái Bè, Tiền Giang - 02733 819 528 - 02733 819 572
- 48 Đặng Đức Thuật, P.Tân Phong, Q.7, TP.HCM - 028 5410 2222

Email: info@viethungfood.com.vn

Website: <https://mythodaipho.vn/cong-ty-tnhh-viet-hung-kinh-doanh-hieu-qua-gan-voi-an-sinh-xa-hoi/amp/>

4. Công ty cổ phần Gatraco

Với hơn 35 năm kinh nghiệm trong đó hơn 20 năm hoạt động trong ngành chế biến gạo xuất khẩu, hiện nay hệ thống kho và nhà máy được hình thành tại 5 cụm với công suất thiết bị 2.500 tấn/ngày, hệ thống kho chứa bình quân 100.000 tấn đặt tại trung tâm lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long như Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh (Cần Thơ), Lấp Vò (Đồng Tháp). Sản lượng xuất khẩu hàng năm khoảng 300.000 – 400.000 tấn. Doanh thu trên 4000 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu khoảng 120 – 150 triệu USD/năm.

Là một Công ty đại chúng với 100% sở hữu tư nhân, Gatraco định hướng phát triển tập trung vào ngành chế biến gạo xuất khẩu. Với hệ thống kho hàng, thiết bị hiện đại công suất 2.500 tấn/ngày và vùng nguyên liệu ổn định tại các cánh đồng lúa của Đồng Bằng Sông Cửu Long, Gatraco có thể đáp ứng các đơn hàng lớn cũng như các dòng sản phẩm cao cấp được đóng túi 1kg-10kg theo tiêu chuẩn của các siêu thị tại Châu Á, Châu Âu, Châu Úc, Trung Đông... Với chính sách chất lượng “Uy tín – Hiệu quả”, các đơn hàng đều được kiểm soát ở từng công đoạn, đảm bảo chất lượng ổn định và thời gian giao hàng kịp thời.

Là thành viên của Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA), Gatraco mong muốn góp phần gia tăng giá trị hạt gạo Việt Nam và đưa gạo của Đồng Bằng Sông Cửu Long đến khắp mọi nơi trên thế giới.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ:

121 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q.Thốt Nốt, TP.Cần Thơ - (+84) 710 3851 246. Fax: (+84) 710 3852 118

Phòng 3, Lầu 3 Broadway A, 100 Nguyễn Lương Bằng, Q. 7, Tp HCM - (+84) 8 5413 81 38. Fax: (+84) 8 5414 81 48

Email: info@gatraco.com.vn

Website: <http://gatraco.com.vn/about/>

5. Công ty cổ phần Docimexco

Công ty cổ phần Docimexco cũng là một trong những công ty xuất nhập khẩu gạo lớn nhất nước ta. Công ty này có nhiều thế mạnh về sản xuất và chế biến gạo xuất khẩu như đặt nhà máy ngay tại vùng nguyên liệu tập trung nên có thể rút ngắn và giảm bớt chi phí trong khâu sản xuất và xuất khẩu gạo.

Các sản phẩm gạo nổi bật của công ty:

- Gạo thơm lài sữa
- Gạo thơm lài trong
- Gạo hương đồng
- Gạo ngọc đỏ hương dứa
- Gạo nếp
- Gạo thơm JASMINE
- Gạo Tám xuất khẩu

Hiện nay, Docimexco là một hệ thống kinh doanh khép kín bằng việc liên kết với trực tiếp với các hộ nông dân để đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nông dân từ cung cấp phân bón cho đến các loại thuốc bảo vệ thực vật.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Số 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277 3855 356

Fax: 0277 3851 250

Email: docimexco@Docimexco.com

Website: <http://www.docimexco.com/>

6. Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Vạn Lợi

Tiền thân của Công Ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Vạn Lợi là Doanh Nghiệp Tư Nhân Vạn Lợi, được thành lập vào năm 1995, chuyên kinh doanh sản xuất mua bán các loại gạo cao cấp, gia công xuất khẩu gạo... Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Vạn Lợi chuyên cung cấp gạo xuất khẩu trên toàn quốc, sản phẩm được bình chọn là gạo xuất khẩu Việt Vam chất lượng cao, được nhiều đại lý tin dùng.

Tổng diện tích kho của công ty trên 25.000 m², bao gồm nhà máy xay xát với công suất 500 tấn lúa/ngày, 10 hệ thống lò sấy lúa với công suất 500 tấn lúa/ngày, với 13 dây chuyền lau bóng gạo, công suất 1.700 tấn thành phẩm các loại gạo 5%, 10%, 15%, 25%, tám ..., 03 hệ thống máy tách màu công suất 300 tấn/ngày ngoài ra công ty còn có đầu tư thêm 04 dây chuyền cám sấy, doanh thu về cám sấy chiếm khoảng 1/3 tổng doanh thu.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 2222 Quốc lộ 91, KV Thới Thạnh 2, P.Thới Thuận, Q.Thốt Nốt, Cần Thơ

Điện thoại: 02923 852 021

Fax: 0923 853 234

Email: vanloifood@gmail.com

Website: <http://vanloifood.com.vn/index.php/vi-vn/trang-chu>

7. Công ty Cổ phần Lương Thực Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Lương Thực Thành phố Hồ Chí Minh với ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là Kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm; Thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại; Kinh doanh xăng dầu...Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp cho ngành, nghề chính: bán sỉ và lẻ trong các cửa hàng tiện ích, xăng dầu; khai thác nhà đất và các ngành, nghề kinh doanh khác được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

Foodcosa không ngừng nỗ lực để trở thành một trong các công ty xuất nhập khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam. Hiện nay công ty mang đến các sản phẩm gạo nổi tiếng và chất lượng như Hương Lúa, Đồng Xanh, Quê Việt, Hạt Ngọc đã xây dựng được lòng tin vững chắc trong lòng người tiêu dùng trong và ngoài nước. Foodcosa đã nhanh chóng trở thành nhà bán lẻ gạo và nông sản rất chuyên nghiệp với nhiều tiện ích thiết thực cùng các dịch vụ khá đa dạng nhằm phục vụ tốt nhất và đáp ứng mọi nhu cầu của người tiêu dùng đồng thời góp phần lớn vào việc giới thiệu và quảng bá những loại gạo đặc sản và gạo cao cấp cùng với nền ẩm thực đặc sắc của Việt Nam ra thế giới.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, P.7, Q.6, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3967 2060

Fax: 0283 9672 022

Email: info@foodcosa.vn

Website: <http://foodcosa.vn/>

8. Công ty TNHH Hưng Cúc

Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, đồng hành cùng nông dân, nông nghiệp, Công ty TNHH Hưng Cúc đã khẳng định sự lớn mạnh không ngừng của một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tiêu thụ, cung ứng và xuất khẩu gạo chất lượng cao tại đồng bằng Bắc Bộ, miền Trung và đồng bằng Nam Bộ. Nằm trên địa bàn tỉnh Thái Bình – một tỉnh có truyền thống thâm canh lúa nước, Công ty TNHH Hưng Cúc – Doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực xay xát và chế biến, kinh doanh lương thực đã gắn bó, liên kết đồng hành cùng nông dân, nông nghiệp tạo ra những thương hiệu gạo ngon, chất lượng cao.

Hưng Cúc sở hữu hệ thống các nhà máy xay xát và chế biến gạo xuất khẩu có quy mô lớn và vô cùng hiện đại cùng với hệ thống các kho phân phối rất chuyên nghiệp để có thể đáp ứng đa dạng

các nhu cầu của khách hàng về các chủng loại và sản lượng gạo khác nhau từ nhiều thị trường lớn như Trung Quốc, LB Nga, Châu Phi, Đài Loan. Công suất sản xuất gạo của công ty này đạt 85.000 tấn/năm. Bên cạnh các loại gạo phổ biến thì công ty còn chú trọng vào các loại gạo đặc sản như gạo BC, DT 68, gạo T10 Tiên Hải, gạo hoa cúc vàng, gạo thơm chị Hải, gạo Hoa Anh Đào với sản lượng lớn.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Lô đất diện tích 25.019m², CCN Xuân Quang, Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

Tel: 0227.3795.777

Fax: 0227.3795.795

Email: gaohungcuc@gmail.com

Website: <http://gaohungcuc.com/gioi-thieu-chung/>

9. Công ty lương thực Tiền Giang

Công ty lương thực Tiền Giang - TIGIFOOD là công ty xuất nhập khẩu gạo lớn ở nước ta với hơn 80% sản lượng gạo để phục vụ thị trường nước ngoài như Singapore, Philippines, Iran, Malaysia, Indonesia, Hồng Kông. TIGIFOOD phấn đấu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu của Tổng công ty Lương thực Miền Nam và tỉnh Tiền Giang trong lĩnh vực kinh doanh chế biến gạo; Công ty uy tín và dẫn đầu trong xuất khẩu gạo đi các nước; Đối tác tin cậy của Quý Khách hàng và hơn thế, trở thành thương hiệu gạo bán lẻ lớn, nằm trong TOP lựa chọn của người tiêu dùng gạo tại thị trường nội địa và xuất khẩu.

Công ty cũng phân phối gạo ở thị trường trong nước qua hệ thống các siêu thị tại TP.HCM, Bình Dương nhưng chịu sự cạnh tranh gay gắt từ gạo nhập khẩu Thái Lan, Ấn Độ. Các ưu điểm sản phẩm gạo của công ty này đó chính là sự đồng đều về chủng loại, gạo thành phẩm thơm ngon, giá cạnh tranh, bao bì mẫu mã đẹp, giao hàng nhanh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

TIGIFOOD sản xuất, kinh doanh và chế biến gạo cung cấp thị trường nội địa và xuất khẩu; không ngừng nâng cao giá trị gia tăng, góp phần phát triển ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam bền vững; coi trọng và hài hòa lợi ích của các bên liên quan - với phương châm: An toàn thực phẩm - Chất lượng cao - Giá cả cạnh tranh - Vượt sự mong đợi.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 256 Khu phố 2, P.10, TP. Mỹ Tho Tiền Giang.

Điện thoại: (84.273) 3855 470 – 3855 604 – 3855 681 – 3855 682 – 3855 683.

Fax: 0273 3855 789 - 0273 3857 177

Email: gaotigifood@gmail.com - tgfood@tigifood.com

Website: <http://www.tigifood.com/>

10. Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Nông Sản Kiên Giang- KIGITRACO

Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Nông Sản Kiên Giang (Cty CPKDNSKG) được thành lập vào ngày 11.01.2008 theo Quyết Định số 2615/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Quyết Định số 2762/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2008 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp. Tiền thân của Công ty là 4 Phân Xưởng Chế Biến Xuất Khẩu Gạo trực thuộc Công Ty Thương Mại Kiên Giang.

Phạm vi kinh doanh:

- Xuất khẩu gạo trắng
- Xuất khẩu gạo thơm
- Xuất khẩu gạo nếp và các mặt hàng nông sản khác.
- Ngoài ra công ty có khả năng kinh doanh về các sản phẩm Khí Đốt, vật liệu xây dựng, thức ăn và nguyên liệu chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Số 12, đường Lý Tự Trọng, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: 02937 962 288

Email: kigitraco@kigitraco.com.vn